

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày: 22-9-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trường Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Định.

Bà Nguyễn Thị Dung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 9 năm 2021; đối với bị cáo:

**Trần Trung S;** sinh năm 1974; nơi sinh: tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm 3, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị M; Vợ là Đinh Thị N – đã ly hôn, có 01 con; nhân thân: Không; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 20-03-2020 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Chấp hành xong bản án ngày 28-5-2020).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-6-2021 cho đến nay (Có mặt).

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Bà Bùi Thị Tố Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định (Có mặt).

***- Bị hại:*** Bà Bùi Thị C; sinh năm 1969; trú tại: Xóm C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

***- Người làm chứng:***

- Anh Nguyễn Văn P; sinh năm 1989. (Vắng mặt).

- Anh Trần Mạnh Q; sinh năm 1990. (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn H; sinh năm 1980. (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1979. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng trưa ngày 21-6-2021 Trần Trung S và bà Bùi Thị C cùng lên xe ô tô khách BKS 35B-004.28, của nhà xe Vũ Ngũ, chạy tuyến Quảng Ninh - Ninh Bình, từ thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh để về quê. Sau khi lên xe, S ngồi ghế ngoài sát hành lang giữa xe thuộc hàng ghế thứ 3 bên lái tính từ đầu xe xuống. Bà C ngồi tại hàng ghế thứ 3 phía ngoài sát hành lang giữa xe (song song với S). Khi lên xe bà C mang theo 02 túi xách trong đó có một túi xách tay màu đen đã cũ, một túi vải màu đen có hình hoa, có khóa kéo đã cũ bên trong có đựng một số tài sản và một chiếc ví ngang màu xanh loại ví đựng tiền của phụ nữ đã bị hỏng phần khóa cài, bên trong ví để 30 tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ có giá trị là 15.000.000đ. Hai chiếc túi này được bà C để tại ghế phía bên trong sát bên tay phải của mình. Sau khi lên xe được khoảng 10 phút, bà C có biểu hiện say xe, nên đã cầm theo túi xách tay màu đen di chuyển đến khu vực ca bô đầu xe nằm nghỉ, chiếc túi vải màu đen có hình hoa vẫn vẫn để tại vị trí ở ghế ngồi. Khoảng 01 tiếng sau, do đường sóc nên chiếc túi vải màu đen có hình hoa vẫn rơi từ ghế ngồi xuống sàn xe phía dưới ngay sát hành lang xe, do khóa của chiếc túi và khóa của chiếc ví bị hỏng, nên để lộ tiền trong chiếc ví ngang màu xanh và một số tài sản khác ra ngoài. Khoảng 13 giờ cùng ngày, S ngồi bên nhìn thấy tiền và một số tài sản khác lại không có bà C ngồi đó nên S đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên.

Thực hiện ý định, S quan sát xung quanh, thấy mọi người trên xe đều không để ý, nên đã nhanh chóng dùng tay phải với sang lấy chiếc ví màu xanh bên trong có số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và bỏ số tiền này vào trong chiếc ví da của mình, sau đó để vào túi áo ngực bên phải. Sau khi lấy tiền xong, S lại bỏ chiếc ví xanh vào trong túi xách màu đen hình hoa và đặt chiếc túi xách này vào vị trí cũ.

Khi xe ô tô đi đến khu vực ngã 4 trên Quốc lộ 10 thuộc địa phận thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định thì bà C quay lại vị trí ngồi cũ để lấy chiếc túi xách hoa văn màu đen để xuống xe. Ngay sau khi xuống xe, bà C phát hiện khóa túi vải màu đen có hình hoa văn bị bung, nghi ngờ bị mất tiền bà C kiểm tra chiếc ví màu xanh thì phát hiện bị mất số tiền 15.000.000đ. Bà C điện thoại cho anh Nguyễn Văn P là lái xe ô tô khách BKS 35B-004.28 nhờ dừng xe lại, đồng thời lên xe taxi đuổi theo xe khách để tìm lại tiền. Anh P cho xe ô tô khách dừng lại tại khu vực gần Cầu T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; anh P thông báo với hành khách trên xe về việc bà C bị mất tiền, xe dừng lại để bà C tìm lại tiền. Khi xe dừng lại, S xuống xe đi vệ sinh rồi quay lại xe, di chuyển lên vị trí ghế phụ trên đầu xe. Lúc này bà C đã tới nơi và lên xe đề nghị mọi người trên xe nếu ai đã lấy

số tiền của bà thì cho bà xin lại tiền đã bị mất, nhưng không ai phản ứng gì; anh P và bà C xác định số tiền của bà C có người đi trên xe lấy trộm, nên đã yêu cầu tất cả hành khách trên xe cùng di chuyển đến Cơ quan Công an để trình báo, tìm lại tiền cho bà C.

Trên đường di chuyển về Công an huyện V, S lấy trong ví của mình số tiền 5.000.000đ gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000đ từ số tiền trộm được của bà C vất xuống dưới gầm ghế trên cùng bên phụ mà S đang ngồi rồi di chuyển sang ghế ngay sau ghế lái để ngồi. Khi Công an huyện V lên xe kiểm tra đã thu giữ 5.000.000đ tại vị trí ghế ngồi cũ của S. Tại trụ sở Công an huyện V, Cơ quan điều tra còn thu giữ trên người S số tiền 10.200.000đ (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*) gồm 20 tờ tiền có mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), S khai nhận là trộm của bà C và một tờ tiền có mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) là tiền cá nhân.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSVB ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Trần Trung S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Bị cáo Trần Trung S đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền của bà Bùi Thị C như nội dung nêu trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân.

Người bào chữa trình bày: Bị cáo phạm tội với ý thức bột phát do sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại; bản thân bị cáo mắc bệnh xã hội HIV; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo S như bản cáo trạng và đề nghị:

- Về điều luật: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Trung S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Trần Trung S từ 12 đến 15 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo S phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Các vật chứng đã thu giữ cùng lời khai của bị cáo, của người bị hại, của người làm chứng tại cơ quan điều tra. Nên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 13 giờ ngày 21-06-2021 trên xe ô tô khách BKS 35B-004.28, của nhà xe Vũ Ngữ, do anh Nguyễn Văn P điều khiển, lợi dụng lúc bà Bùi Thị C sơ hở trong quản lý tài sản, Trần Trung S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) của bà C.

Đối chiếu hành vi bị cáo đã thực hiện với quy định của Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố và luận tội đối với hành vi của bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Xét hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm cho người dân lo sợ bị kẻ gian bắt cháp pháp luật bằng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản của mình và gây lên sự bức xúc trong quần chúng nhân dân; ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe, tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo không có.

- Về tình tiết tăng nặng: Ngày 20-03-2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Vì vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo mắc bệnh xã hội (HIV), gia đình có hoàn cảnh khó khăn (Hộ cận nghèo). Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét, bị cáo đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Như vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, cho xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, người bị hại là bà Bùi Thị C đã được nhận lại đủ tài sản của mình bị chiếm đoạt; đến nay bà C không yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý các vật chứng đã thu giữ:

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng Cơ quan CSĐT Công an đã trả cho bà Bùi Thị C là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen, số IMEI 1: 810033600821596, số IMEI 2: 810034600821596, cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc ví da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong có chữ “D và G”; 01 căn cước công dân số 037070002242 mang tên Trần Trung S. Xác định những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên ngày 20-07-2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho bị cáo, thông qua người được bị cáo ủy quyền là anh Nguyễn Đức D, SN 1984, trú tại Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (là em rể của S). Việc trả lại các tài sản trên của Cơ quan CSĐT Công an huyện V là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo S phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Trung S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Trung S 12 (Mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 21-6-2021.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Trung S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Trung S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại bà Bùi Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trường Nam**